

Số: 374/QĐ-MNCH

Cộng Hòa, ngày 23 tháng 10 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục, Năm học: 2024 - 2025

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CỘNG HÒA

Căn cứ Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Ban hành Điều lệ Trường Mầm non;

Căn cứ công văn số 662/PGD&ĐT-GDTH ngày 25 tháng 8 năm 2023 V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Mầm non năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Hướng dẫn 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Kế hoạch số 587/SGDĐT -KHTC ngày 27/02/2024 về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Công văn số 563/UBND-GD ngày 28/2/2024 của UBND thị xã Quảng Yên Về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Căn cứ công văn số 4737/UBND-GD ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên V/v tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025;

Căn cứ công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024 của cục thuế tỉnh Quảng Ninh V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập

Căn cứ vào biên bản các cuộc họp: Biên bản họp hội đồng nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên ngày 19/10/2024; Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ trẻ em trường ngày 21/10/2024; Biên bản họp toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trường để triển khai dự toán chi ngày 21/10/2024; Biên bản họp Cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp ngày 22/10/2024.

Căn cứ vào Dự toán kinh phí phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025, Trường Mầm non Cộng Hoà ngày 22/10/2023 đã được thông qua trong cuộc họp cha mẹ học sinh các lớp năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào Kế hoạch số 372 /KH-MNCH ngày 22/10/2024 của Trường Mầm non Cộng Hoà về việc thực hiện triển khai thực hiện dự toán kinh phí phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tại trường năm học 2024-2025;

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Phê duyệt khoản thu, mức thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2024-2025 cụ thể như sau: *Có danh sách kèm theo.*

**Điều 2.** Giao cho các bộ phận có liên quan công khai kết quả phê duyệt khoản thu, mức thu; tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch. Kết thúc năm học thực hiện quyết toán từng khoản thu, nếu sử dụng kinh phí không hết thì phải trả lại cho cha mẹ học sinh, không được chuyển tiếp sang năm học sau, thông báo công khai kết quả thu, chi tới tất cả cha mẹ học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị; báo cáo cơ quan quản lý trực tiếp theo phân cấp quản lý.

**Điều 3.** Bộ phận chuyên môn, tổ văn phòng và toàn thể cán bộ, giáo viên Trường Mầm non Cộng Hoà căn cứ Quyết định thi hành./.

### Nơi nhận:

- Như điều 3 (đề: t/h);
- Lưu: VT, GDMN./.



**Lã Thị Minh Nguyệt**



# DANH SÁCH KHOẢN THU, MỨC THU DỊCH VỤ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

**Năm học 2024-2025**

Kèm theo Quyết định số /QĐ-MNNH, ngày 23/10/2024 của Trường Mầm non Cộng Hòa

| TT | Khoản thu                                 | Đơn vị tính     | Công văn thực hiện                                                                                | Mức thu tối đa theo nghị quyết số 34 | Mức thu của trường Mầm non Cộng Hoà | Ghi chú      |
|----|-------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------|
| I  | Khoản thu theo quy định                   |                 |                                                                                                   |                                      |                                     |              |
| II | Khoản thu dịch vụ                         |                 | Thực hiện theo Nghị quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh |                                      |                                     |              |
| 1  | Tổ chức bán trú tại trường                |                 |                                                                                                   |                                      |                                     |              |
| a  | Quản lý học sinh trong giờ bán trú        | đồng/hs/tháng   |                                                                                                   | 140.000                              | 131.000                             |              |
| b  | Tiền ăn, chi phí gián tiếp, thuế          | đồng/hs/ngày    |                                                                                                   | 30.000                               | 20.000                              |              |
| c  | Thuê nấu ăn + thuế                        | đồng/hs/tháng   |                                                                                                   | 110.000                              | 94.000                              |              |
| d  | Mua sắm bổ sung vật dụng phục vụ bán trú  | đồng/hs/năm học |                                                                                                   | 50.000                               | 50.000                              |              |
| 1  | Chi phí sử dụng điện máy điều hòa lớp học | đồng/hs/tháng   |                                                                                                   |                                      | 15.000                              | Theo thực tế |
| 2  | Chi phí chăm sóc giáo dục ngày thứ 7      | đồng/hs/tháng   |                                                                                                   |                                      | 35.000                              | Theo thực tế |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Niêm yết công khai dự toán các khoản thu năm học 2024-2025**

Hôm nay, vào hồi 15 giờ phút, ngày 24 tháng 10 năm 2024  
Tại Hội trường tầng 2, Trường Mầm Non Cộng Hòa thị xã Quảng Yên.  
Chúng tôi gồm:

1 Chúng tôi gồm:

- Bà: Lã Thị Minh Nguyệt, Hiệu trưởng
- Bà: Nguyễn Thị Chiên, Phó hiệu trưởng – Chủ tịch công đoàn
- Bà: Hoàng Thị Yên, Kế toán

Có sự chứng kiến của:

- Bà: Vũ Thị Trang, Y tế – Thủ quỹ
- Bà: Ngọc Thị Uyên, Giáo viên TT Tổ 4 tuổi
- Bà: Đinh Thị Thuận, Giáo viên – Tổ trưởng tổ 3 tuổi
- Bà: Đinh Thị Hải Nam, giáo viên – tổ trưởng tổ nhà trẻ
- Bà: Phạm Thị Hương Huế ban thanh tra nhân dân

Lập biên bản về việc niêm yết công khai dự toán các khoản thu năm học 2024-2025”

Địa điểm niêm yết tại: Bảng công khai trường Mầm Non Cộng Hòa

Thời gian niêm yết: Từ ngày 24/10/2024 đến ngày 24/01/2025

Tiến hành thu tiền sau 7 ngày công khai

  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN**  
Nguyễn Thị Chiên

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
Lã Thị Minh Nguyệt

**NGƯỜI NIÊM YẾT**  
  
Hoàng Thị Yên

  
**Đinh Thị Thuận**

**ĐẠI DIỆN GIÁO VIÊN**  
  
Ngọc Thị Uyên

  
**Đinh Thị Hải Nam**

  
**Phạm Thị Hương Huế**



Số: 373 /QĐ-MNCH

Cộng Hòa, ngày 24 tháng 10 năm 2024

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc công bố công khai dự toán các khoản thu năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Cộng Hòa**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Công văn số 2531/UBND-LĐTBXH ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Liên Sở Lao động-Thương binh và xã hội-Sở Tài chính-Sở Y tế-Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức học phí đối với CSGD MN, GD phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

- Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh triển khai đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về triển khai Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thị xã Quảng Yên;

Kế hoạch số 587/SGDĐT –KHTC ngày 27/02/2024 về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Công văn số 563/UBND-GD ngày 28/2/2024 của UBND thị xã Quảng Yên Về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 4737/UBND-GD ngày 07/10/2024 của UBND thị xã Quảng Yên. V/v tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025;

Công văn số 4738/UBND-GD ngày 07/10/2024 của UBND thị xã Quảng Yên. V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 1076/PGDĐT-KT ngày 07/10/2024. V/v hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024. V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập

Công văn số: 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 V/v triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024 – 2025;

Công văn số: 1126/PGDĐT-KT ngày 18/10/2024 V/v triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai dự toán các khoản thu năm học 2024-2025 của Trường Mầm non Cộng Hòa

( đính kèm theo dự toán )

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giao cho bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Lưu :VT,

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Chữ ký, dấu)



**Lã Thị Minh Nguyệt**

## **BIÊN BẢN THỐNG NHẤT TRIỂN KHAI**

**Thu – chi các khoản thu đóng góp của học sinh  
(khoản thu thỏa thuận với phụ huynh)  
Năm học 2024 - 2025**

**Thời gian:** Vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 24 tháng 10 năm 2024

**Địa điểm:** Tại văn phòng trường Mầm non Cộng Hòa

**Thành phần:** - CBGV, NV trường Mầm non Cộng Hòa: 36 người

- Phụ huynh trưởng của 17 lớp trường Mầm non Cộng Hòa

**Chủ tọa:** Lã Thị Minh Nguyệt - Hiệu trưởng nhà trường

**Thư ký:** Phạm Thị Hương Huế – Giáo viên

### **NỘI DUNG**

- Thông tư Liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động- Thương binh và xã hội, Bộ tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

- Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định 4321/QĐ-UBND ngày 15/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định thực hiện một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh;

- Thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục;

- Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

- Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

- Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội-Sở Tài chính-Sở Y tế- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp

xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Công văn số 2531/UBND-LĐTBXH ngày 15/9/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện Hướng dẫn số 2775/HDLN/SLĐTBXH-STC-SYT-SGDĐT ngày 18/8/2021 của Liên Sở Lao động-Thương binh và xã hội-Sở Tài chính-Sở Y tế-Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh;

- Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định mức học phí đối với CSGD MN, GD phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

- Kế hoạch 97/KH-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh triển khai đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2025;

- Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 19/9/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về triển khai Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn thị xã Quảng Yên;

Nghị định 97/2023/NĐ-CP ngày 31/2/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục Quốc dân và chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

- Hướng dẫn số 2593/SGDĐT-KHTC ngày 19/09/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 34/2021/NQ-HĐND ngày 27/8/2021 của hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Văn bản số 2647/UBND-VHXXH ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh V/v tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa;

Kế hoạch số 587/SGDĐT –KHTC ngày 27/02/2024 về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Công văn số 563/UBND-GD ngày 28/2/2024 của UBND thị xã Quảng Yên Về việc đẩy mạnh thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục;

Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND

tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024;

Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 4737/UBND-GD ngày 07/10/2024 của UBND thị xã Quảng Yên. V/v tăng cường công tác quản lý thu, chi năm học 2024-2025;

Công văn số 4738/UBND-GD ngày 07/10/2024 của UBND thị xã Quảng Yên. V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 1076/PGDĐT-KT ngày 07/10/2024. V/v hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Công văn số 9233/CTQNI-NVDTPC ngày 09/10/2024. V/v hướng dẫn chính sách thuế đối với các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập

Công văn số: 3308/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2024 V/v triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục năm học 2024 – 2025;

Công văn số: 1126/PGDĐT-KT ngày 18/10/2024 V/v triển khai thực hiện và quản lý thu, chi trong các cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025;

Căn cứ vào biên bản các cuộc họp: Biên bản họp hội đồng nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên ngày 19/10/2024; Biên bản họp Ban đại diện cha mẹ trẻ em trường ngày 21/10/2024; Biên bản họp toàn thể cán bộ giáo viên nhân viên trường để triển khai dự toán chi ngày 21/10/2024; Biên bản họp Cha mẹ trẻ em các nhóm, lớp ngày 22/10/2024.

Căn cứ điều kiện thực tế tại trường mầm non Cộng Hòa;

Trường mầm non Cộng Hòa lập kế hoạch triển khai thực hiện dự toán chi và mức thu của nhà trường trong năm học 2024-2025 với các nội dung như sau:

## **I. Khoản thu theo quy định :**

### **1. Tiền học phí:**

Năm học 2024-2025 toàn thể trẻ em trong nhà trường được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn

tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

## **II. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học:**

### **1. Dịch vụ bán trú tại trường:**

- Bao gồm các nội dung: Chi thuê người nấu ăn ( khoản thu Tiền thuê người nấu ăn, thuế ); chi quản lý trẻ em trong giờ bán trú (khoản thu Tiền quản lý trẻ em trong giờ bán trú, thuế); chi tiền ăn bao gồm chi phí lương thực, thực phẩm, chi phí thuế và các chi phí gián tiếp khác (Khoản thu Tiền ăn); chi mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú (khoản thu Tiền mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú).

- Mục đích của dịch vụ: Việc tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường giúp xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi đảm bảo nhu cầu khuyến nghị năng lượng cho 1 trẻ; Số lượng bữa ăn, năng lượng phân phối cho các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo đúng quy định của chương trình GDMN; Thực hiện được theo đúng thời lượng bữa ăn theo đúng chế độ sinh hoạt cho trẻ ở từng độ tuổi. Bổ sung đầy đủ vật dụng, đồ dùng phục vụ bán trú cho các lớp.

- Hình thức: Huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ.

- Biện pháp: Nhà trường tiến hành xây dựng thực đơn phù hợp, thuê nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn, đến nấu ăn cho trẻ theo thực đơn hàng ngày, phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia quản lý trẻ giờ trưa, đón sớm trả muộn .

- Thời gian thực hiện: Theo số tháng thực tế thực hiện trong năm học 2024-2025 (9 tháng/năm học).

+ Sản phẩm được thụ hưởng: Trẻ được ăn uống đủ chất, đủ lượng, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối. Được trang bị đầy đủ đồ dùng để đảm bảo nhu cầu ăn, ngủ tại trường.

#### **1.1. Tiền thuê người nấu ăn:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 39.270.000đ/tháng.

+ Dự kiến thuê người nấu ăn cho trẻ: 7 nhân viên.

+ Dự kiến tiền công trả cho người nấu ăn và tiền bảo hiểm theo thỏa thuận giữa nhà trường, cha mẹ trẻ em và người nấu ăn không vượt quá: 5.500.000đ/người/tháng.

+ Tổng số kinh phí thuê người nấu ăn:  $5.500.000đ \times 7 \text{ người} = 38.500.000đ$

+ Thuế 2%:  $(5.500.000 \times 7 \text{ người}) \times 2\% = 770.000đ$

- Tổng thu: 39.270.000đ/tháng.

- Mức thu: 93.500đ/trẻ/tháng ( Làm tròn 94.000đ)

- Phương án thu: Thu theo tháng thực học của học sinh.

#### **1.2. Quản lý trẻ trong giờ bán trú (1 giờ)**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 55.102.083đ/trẻ/tháng.

+ Chi cho giáo viên trực tiếp quản lý trẻ: 20 giáo viên. Kinh phí: 42.504.000đ;

+ Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, y tế+thủ quỹ, kế toán): 05 người. Kinh phí: 11.517.650đ.

+ Chi phí nộp 2% thuế theo quy định: 1.080.433đ;

- Tổng thu: 55.102.083đ/trẻ/tháng.

- Mức thu: 131.195đ/trẻ/tháng (làm tròn 131.000đ)

- Phương án thu: Thu theo tháng thực học của trẻ.

#### **1.4. Tiền ăn:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 184.542.839đ/trẻ/tháng.

+ Chi mua lương thực, thực phẩm: 154.723.700đ/tháng. (Bao gồm 1 bữa chính và 1 bữa phụ đối với trẻ Mẫu giáo; 02 bữa chính và 01 bữa phụ đối với trẻ Nhà trẻ)

+ Chi mua chất đốt: 16.560.000đ/tháng

+ Chi phí vật tư phục vụ lau rửa, vệ sinh, điện, nước: 9.640.652đ/trẻ/tháng

+ Chi thuế 2%: 3.618.487đ/trẻ/tháng

- Tổng thu: 184.542.839đ/trẻ/tháng.

- Mức thu: 19.972đ/trẻ/ngày ăn (Làm tròn 20.000đ/hs/ngày) Dự kiến số ngày ăn trong tháng: 22 ngày.

**Phương án thu:** Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền ăn, cuối tháng quyết toán tiền ăn của trẻ theo số ngày chấm ăn thực tế của trẻ.

#### **1.5. Tiền mua sắm vật dụng phục vụ bán trú:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 21.129.000đ/năm học. Trong đó:

+ Mua đồ dùng nhà bếp (dao, thớt, rổ rá...): 21.129.000đ

- Tổng thu: 21.129.000đ/năm học.

- Mức thu: 50.307đ/trẻ/năm học (Làm tròn 50.000đ/trẻ/năm học)

Phương án thu: Thu 1 lần đầu năm học của tất cả trẻ tham gia ăn bán trú tại trường

### **III. Dịch vụ khác**

#### **1. Tiền chăm sóc giáo dục ngày thứ 7**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 150 trẻ. Học 4 ngày thứ 7 trong tháng

- Tổng chi: 21.112.385đ/tháng.

+ Chi cho giáo viên trực tiếp quản lý trẻ: 11 giáo viên Kinh phí: 16.368.000đ;

+ Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, thủ quỹ, kế toán) Kinh phí: 4.156.000đ

+ Chi tiền điện: 91.665đ

+ Chi tiền nước: 86.240đ

+ Chi phí nộp 2% thuế, điện theo quy định: 410.480đ;

- Tổng thu: 21.112.385đ/tháng.

- Mức thu: 35.187đ/trẻ/ngày ăn (làm tròn 35.000đ/hs/ngày)

- Phương án thu: Thu theo ngày thực học của trẻ.

### **3. Tiền ăn ngày thứ 7**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 150 trẻ . Học 4 ngày thứ 7 trong tháng

- Tổng chi: 12.050.280đ/tháng.

+ Các chi phí lương thực, thực phẩm 10.200.000đ

+ Các chi phí gián tiếp (Chi phí vật tư phục vụ lau rửa, vệ sinh, điện, chất đốt) tổng thu 1.614.000đ

+ Thuế 2%: 236.280đ

- Tổng thu: 12.050.280đ/tháng.

- Mức thu: 20.084đ/trẻ/ngày (làm tròn 20.000đ)

- Phương án thu: Thu theo ngày thực học của trẻ

### **4. Thu tiền điện đối với lớp học có lắp điều hòa:**

- Dự kiến số trẻ sử dụng: 420 trẻ.

- Tổng chi: 6.361.536đ/trẻ/tháng.

Tiền điện dự kiến phục vụ cho việc sử dụng điều hòa trong 1 tháng: 1,5 KW/giờ x 8 giờ/ngày x 16 ngày/tháng x 2.037đ/KW x 17 lớp = 6.648.768đ

Tổng cộng số tiền: 6.648.768đ

- Tổng thu: 6.361.536đ/trẻ/tháng.

- Mức thu: 15.830đ/trẻ/tháng ( làm tròn 15.000đ/trẻ/tháng)

Phương án thu: Thu vào những tháng mùa hè có sử dụng điều hòa. Dự kiến tháng 9,10,04,05 năm học 2024-2025.

### **IV/ Nguyên tắc thu - chi :**

- Đảm bảo nguyên tắc thu đủ bù chi, đảm bảo công khai.

- Thực hiện hạch toán thu chi theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

- Nếu có sự biến động tăng giảm số lượng học sinh tham gia các khoản thu theo thỏa thuận, nhà trường cùng với Ban đại diện CMHS sẽ có sự điều chỉnh phù hợp bằng văn bản và thống nhất công khai tới toàn thể hội CMHS toàn trường.

### **V/Tổ chức thực hiện :**

- Xây dựng Kế hoạch, lập dự toán thu, chi kinh phí năm học 2024-2025.

- Phổ biến công khai Kế hoạch thu, chi tới toàn thể CBGV,NV.

- Tổ chức cuộc họp Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, tổ chức họp toàn thể cha mẹ trẻ tại các nhóm lớp để thông báo công khai các khoản thu trong năm học đồng thời trao đổi thống nhất về các khoản thu phục vụ trực tiếp của học sinh.

- Các khoản thu, chi đảm bảo theo đúng quy định về tài chính, được theo dõi và hạch toán qua hệ thống tài khoản kế toán.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai minh bạch theo quy định.

- Kế hoạch được thông qua Hội đồng nhà trường, hội cha mẹ học sinh toàn trường và đã được trình với UBND phường Cộng Hòa phê duyệt kế hoạch.

### **B/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

Các ý kiến phụ huynh về dự họp đều thống nhất, nhất trí với các nội dung đã triển khai trên tinh thần thỏa thuận, tự nguyện xây dựng về mức thu và nội dung chi, lựa chọn nhà cung cấp sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của các em học sinh trên địa bàn phường. Nội dung chi với nguyên tắc thu đủ bù chi tránh lạm thu.

Nhà trường bắt đầu tiến hành thu các khoản thu trong kế hoạch kể từ ngày 31/10/2024

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày. 100% đại biểu đều nhất trí tán thành với nội dung ghi trong biên bản.

**ĐẠI DIỆN HỘI CMHS**



Phạm Thị Thêm

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG**

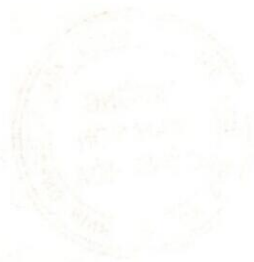


Lã Thị Minh Nguyệt

**THƯ KÝ**



Phạm Thị Hương Huế



**BIÊN BẢN BÁO CÁO CÔNG KHAI**  
**CÁC KHOẢN THU NGOÀI NGÂN SÁCH**  
(Các khoản thu có sự thỏa thuận với phụ huynh học sinh)  
**Năm học 2024-2025**

**Thời gian:** Vào hồi 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 10 năm 2024

**Địa điểm:** Tại văn phòng trường Mầm non Cộng Hòa

**Thành phần gồm:** - Toàn bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

- Phụ huynh 17 lớp trường Mầm non Cộng Hòa

Cùng tiến hành họp phụ huynh và Kế toán Báo cáo công khai kế hoạch thu - chi các khoản thu của học sinh năm học 2024 -2025 như sau:

**I. Khoản thu theo quy định :**

**1. Tiền học phí:**

Năm học 2024-2025 toàn thể trẻ em trong nhà trường được hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số biện pháp hỗ trợ khắc phục hậu quả bão số 3 (bão Yagi) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm 2024; Hướng dẫn số 3172/HD-SGDĐT ngày 04/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo. Hướng dẫn triển khai thực hiện hỗ trợ học phí cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học viên giáo dục thường xuyên đang học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh năm học 2024-2025 theo Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh;

**II. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong năm học:**

**1. Dịch vụ bán trú tại trường:**

- Bao gồm các nội dung: Chi thuê người nấu ăn ( khoản thu Tiền thuê người nấu ăn, thuế ); chi quản lý trẻ em trong giờ bán trú (khoản thu Tiền quản lý trẻ em trong giờ bán trú, thuế); chi tiền ăn bao gồm chi phí lương thực, thực phẩm, chi phí thuê và các chi phí gián tiếp khác (Khoản thu Tiền ăn); chi mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú (khoản thu Tiền mua sắm đồ dùng, vật dụng phục vụ bán trú).

- Mục đích của dịch vụ: Việc tổ chức cho trẻ ăn bán trú tại trường giúp xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi đảm bảo nhu cầu khuyến nghị năng lượng cho 1 trẻ; Số lượng bữa ăn, năng lượng phân phối cho các bữa ăn và tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo đúng quy định của chương trình GDMN; Thực hiện được theo đúng thời lượng bữa ăn theo đúng chế độ sinh hoạt cho trẻ ở từng độ tuổi. Bổ sung đầy đủ vật dụng, đồ dùng phục vụ bán trú cho các lớp.

- Hình thức: Huy động sự đóng góp của cha mẹ trẻ.

- Biện pháp: Nhà trường tiến hành xây dựng thực đơn phù hợp, thuê nhân viên nấu ăn có chứng chỉ nấu ăn, đến nấu ăn cho trẻ theo thực đơn hàng ngày, phân

công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham gia quản lý trẻ giờ trưa, đón sớm trả muộn .

- Thời gian thực hiện: Theo số tháng thực tế thực hiện trong năm học 2024-2025 (9 tháng/năm học).

+ Sản phẩm được thụ hưởng: Trẻ được ăn uống đủ chất, đủ lượng, cơ thể phát triển hài hòa, cân đối. Được trang bị đầy đủ đồ dùng để đảm bảo nhu cầu ăn, ngủ tại trường.

#### **1.1. Tiền thuê người nấu ăn:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 39.270.000đ/tháng.

+ Dự kiến thuê người nấu ăn cho trẻ: 7 nhân viên.

+ Dự kiến tiền công trả cho người nấu ăn và tiền bảo hiểm theo thỏa thuận giữa nhà trường, cha mẹ trẻ em và người nấu ăn không vượt quá: 5.500.000đ/người/tháng.

+ Tổng số kinh phí thuê người nấu ăn:  $5.500.000đ \times 7 \text{ người} = 38.500.000đ$

+ Thuế 2%:  $(5.500.000 \times 7 \text{ người}) \times 2\% = 770.000đ$

- Tổng thu: 39.270.000đ/tháng.

- Mức thu: 93.500đ/trẻ/tháng (Làm tròn 94.000đ)

- Phương án thu: Thu theo tháng thực học của học sinh.

#### **1.2. Quản lý trẻ trong giờ bán trú (1 giờ)**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 55.102.083đ/trẻ/tháng.

+ Chi cho giáo viên trực tiếp quản lý trẻ: 20 giáo viên. Kinh phí: 42.504.000đ;

+ Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, y tế+thủ quỹ, kế toán): 05 người. Kinh phí: 11.517.650đ.

+ Chi phí nộp 2% thuế theo quy định: 1.080.433đ;

- Tổng thu: 55.102.083đ/trẻ/tháng.

- Mức thu: 131.195đ/trẻ/tháng (làm tròn 131.000đ)

- Phương án thu: Thu theo tháng thực học của trẻ.

#### **1.4. Tiền ăn:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.

- Tổng chi: 184.542.839đ/trẻ/tháng.

+ Chi mua lương thực, thực phẩm: 154.723.700đ/tháng. (Bao gồm 1 bữa chính và 1 bữa phụ đối với trẻ Mẫu giáo; 02 bữa chính và 01 bữa phụ đối với trẻ Nhà trẻ)

+ Chi mua chất đốt: 16.560.000đ/tháng

+ Chi phí vật tư phục vụ lau rửa, vệ sinh, điện, nước: 9.640.652đ/trẻ/tháng

+ Chi thuế 2%: 3.618.487đ/trẻ/tháng

- Tổng thu: 184.542.839đ/trẻ/tháng.

- Mức thu: 19.972đ/trẻ/ngày ăn (Làm tròn 20.000đ/hs/ngày) Dự kiến số ngày ăn trong tháng: 22 ngày.

**Phương án thu:** Hàng tháng căn cứ số ngày đi học của học sinh đầu tháng tạm thu tiền ăn, cuối tháng quyết toán tiền ăn của trẻ theo số ngày chấm ăn thực tế của trẻ.

**1.5. Tiền mua sắm vật dụng phục vụ bán trú:**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 420 trẻ.
- Tổng chi: 21.129.000đ/năm học. Trong đó:
  - + Mua đồ dùng nhà bếp (dao, thớt, rổ rá...): 21.129.000đ
- Tổng thu: 21.129.000đ/năm học.
- Mức thu: 50.307đ/trẻ/năm học (Làm tròn 50.000đ/trẻ/năm học)

Phương án thu: Thu 1 lần đầu năm học của tất cả trẻ tham gia ăn bán trú tại trường

**III. Dịch vụ khác**

**1. Tiền chăm sóc giáo dục ngày thứ 7**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 150 trẻ. Học 4 ngày thứ 7 trong tháng
- Tổng chi: 21.112.385đ/tháng.
  - + Chi cho giáo viên trực tiếp quản lý trẻ: 11 giáo viên Kinh phí: 16.368.000đ;
  - + Chi cho cán bộ quản lý, nhân viên (Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, thủ quỹ, kế toán) Kinh phí: 4.156.000đ
  - + Chi tiền điện: 91.665đ
  - + Chi tiền nước: 86.240đ
  - + Chi phí nộp 2% thuế, điện theo quy định: 410.480đ;
- Tổng thu: 21.112.385đ/tháng.
- Mức thu: 35.187đ/trẻ/ngày ăn (làm tròn 35.000đ/hs/ngày)
- Phương án thu: Thu theo ngày thực học của trẻ.

**3. Tiền ăn ngày thứ 7**

- Dự kiến số trẻ tham gia: 150 trẻ. Học 4 ngày thứ 7 trong tháng
- Tổng chi: 12.050.280đ/tháng.
  - + Các chi phí lương thực, thực phẩm 10.200.000đ
  - + Các chi phí gián tiếp (Chi phí vật tư phục vụ lau rửa, vệ sinh, điện, chất đốt) tổng thu 1.614.000đ
  - + Thuế 2%: 236.280đ
- Tổng thu: 12.050.280đ/tháng.
- Mức thu: 20.084đ/trẻ/ngày (làm tròn 20.000đ)
- Phương án thu: Thu theo ngày thực học của trẻ

**4. Thu tiền điện đối với lớp học có lắp điều hòa:**

- Dự kiến số trẻ sử dụng: 420 trẻ.
- Tổng chi: 6.361.536đ/trẻ/tháng.

Tiền điện dự kiến phục vụ cho việc sử dụng điều hòa trong 1 tháng: 1,5 KW/giờ x 8 giờ/ngày x 16 ngày/tháng x 2.037đ/KW x 17 lớp = 6.648.768đ

Tổng cộng số tiền: 6.648.768đ

